

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 06/2025/CMTH

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CƠ SỞ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH ĐÔNG ĐÔ

Địa chỉ: Xóm 4, thôn Hòa Phú, xã Hòa Thạch, huyện Quốc Oai – Hà Nội

Điện thoại: 0984.213.122

Mã số hộ kinh doanh: 01V8003214; đăng ký lần đầu: Ngày 13 tháng 3 năm 2018; nơi cấp: Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Quốc Oai;

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 03/2024/NNPTNT-PKT ngày 26 /6/2024 do Phòng Kinh tế huyện Quốc Oai cấp;

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: CỐT ME TÁCH HẠT

2. Thành phần:

Nguyên liệu: Me chua > 70%, nước, đường maltose lỏng, muối, axit citric, màu caramel tự nhiên (E150), chất chống oxy hóa (E316), chất bảo quản (E202 hoặc E200),

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được bao gói bằng túi, hoặc hũ PP, PE, OPP/CPP đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 100 gam, 270g, 1L, 2L

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Cơ sở sản xuất và kinh doanh Đông Đô đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT về giới hạn ô nhiễm hóa học, vi sinh trong thực phẩm;

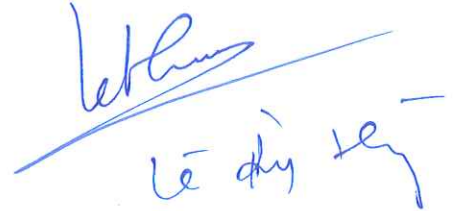
- QCVN 8-1:2011/BYT về giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Quốc Oai, ngày 16 tháng 5 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Lê Đình Sơn

MẪU NHÃN DỰ KIẾN

(Đính kèm bản tự công bố sản phẩm số 06/2025/CMTH)

Tên tổ chức: CƠ SỞ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH ĐÔNG ĐÔ

Địa chỉ: Xóm 4, thôn Hòa Phú, xã Hòa Thạch, huyện Quốc Oai – Hà Nội

Điện thoại: 0984.213.122

CÓT ME TÁCH HẠT

Thành phần: Me chua > 70%, nước, đường maltose lỏng, muối, chất bảo quản (E202 hoặc E200), chất chống oxi hóa (E316).

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: HL chất khô > 20%, Muối < 10%, Đường > 1%.

Hướng dẫn sử dụng: Dùng chế biến các món ăn, tạo vị chua, thơm mùi me.

Thông tin, cảnh báo: Người dị ứng với các thành phần trên cần lưu ý khi sử dụng

Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

NSX, HSD ghi trên bao bì sản phẩm

Quốc Oai, ngày 16 tháng 5 năm 2025

CHỦ CƠ SỞ


CƠ ANH TAY



Số: 17096/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Cốt me tách hạt
2. Mã số mẫu: 04254515/DV.2
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, 200 mL/chai. Số lượng: 3.
NSX: Không có - HSD: Không có
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 14/04/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 14/04/2025 - 21/04/2025
8. Nơi gửi mẫu: CƠ SỞ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH ĐÔNG ĐỒ
Địa chỉ: Xóm 4, Thôn Hòa Phú, Xã Hòa Thạch, Huyện Quốc Oai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Coliforms	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH (LOD: 1)
9.2*	<i>E. coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (LOD: 1)
9.3*	<i>S. aureus</i>	CFU/g	ISO 6888-1:2021	KPH (LOD: 10)
9.4*	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	KPH (LOD: 1)
9.5*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	KPH (LOD: 1)
9.6	Cảm quan	-	NIFC.05.M.199	Dạng đặc, sệt, tương đối sánh, màu nâu, mùi vị đặc trưng của sản phẩm
9.7*	Định danh và định lượng phẩm màu (Sunset yellow, Amaranth, Brilliant blue, Tartrazine, Ponceau 4R, Fast green, Allura red, Erythrosine, Carmoisine, Indigo carmine, Quinolin yellow, Chocolate brown, Brown HT, Carmine, Brilliant black, Basic green (brilliant green), Patent blue V, Green S, Acid red 2G)	mg/kg	NIFC.02.M.26 (HPLC)	KPH (LOD: 0,3)



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.8*	Hàm lượng Acid (tính theo Acid acetic)	mg/100g	NIFC.02.M.08	5096
9.9	Hàm lượng Chất khô	g/100g	NIFC.02.M.06	70,9
9.10	Hàm lượng Đường tổng số (Fructose, Glucose, Sucrose, Maltose, Lactose, Galactose)	g/100g	NIFC.02.M.13 (HPAEC)	8,42
9.11*	Hàm lượng NaCl	g/100g	NIFC.02.M.07	4,64
9.12*	Hàm lượng Nhóm Benzoat (Tính theo Acid benzoic)	mg/kg	NIFC.02.M.25 (HPLC)	KPH (LOD: 10,0)
9.13*	Hàm lượng Nhóm Sorbat (Tính theo Acid sorbic)	mg/kg	NIFC.02.M.25 (HPLC)	372
9.14*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.15*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,007)
9.16*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	< LOQ (LOQ: 0,020)

Ghi chú: LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

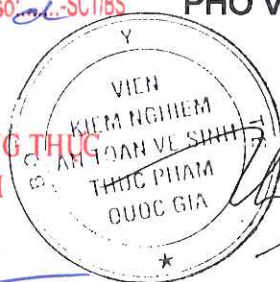
Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2025

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực.....1264.....Quyển số:.....SCT/BS

Ngày: 05 -05- 2025

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC
TUQ.CHỦ TỊCH



TS. Lê Thị Phương Thảo

CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH

Nguyễn Văn Hảo